

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỬ NHÂN KẾ TOÁN

(Ban hành theo Quyết định số: 531/QĐ-ĐHNCT ngày 15 tháng 07 năm 2024 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

Tên chương trình : **Chương trình đào tạo Kế Toán**  
Trình độ đào tạo : **Đại học hệ chính quy**  
Ngành đào tạo : **Kế Toán**  
Mã số : **7340301**  
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

### 1. Mô tả chương trình đào tạo

#### 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành kế toán đào tạo Cử nhân Kế toán có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến kế toán.

#### 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Kế toán
Tên chương trình (Tiếng Anh)	Accounting
Mã ngành đào tạo	7340301
Trường cấp bằng	Trường Đại học Nam Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Kế toán
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	<b>131</b>
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tuyển sinh trong cả nước
Thang điểm đánh giá	4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"><li>- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.</li><li>- Đạt trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường.</li><li>- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Giáo</li></ul>



Vị trí việc làm	<p>đục thể chất; Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.</p> <p>Người tốt nghiệp có nhiều cơ hội việc làm ở các vị trí: kế toán tổng hợp, thủ quỹ, kho, kế toán viên, nhân viên hỗ trợ kiểm toán, hay các vị trí liên quan đến tài chính, đánh giá đầu tư, kế toán chi, kế toán thu ... trong doanh nghiệp, tổ chức quỹ tín dụng, cơ quan bảo hiểm và đơn vị cơ quan thuộc các thành phần kinh tế khác nhau trên địa bàn cả nước</p>
Học tập nâng cao trình độ	Có thể học nâng cao lên trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ.
Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Kế toán Trường Đại học Cần Thơ, trường Đại học Tây Đô và Đại học Kinh tế TP HCM.
Thời gian cập nhật	6/2024

### 1.3. Mục tiêu đào tạo

#### 1.3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kế toán - kiểm toán; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán. Sinh viên tốt nghiệp làm việc ở các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.

#### 1.3.2. Mục tiêu cụ thể

**M1:** Nắm được những kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật, kế toán, bao gồm các kiến thức chung về tài chính kế toán doanh nghiệp và các kiến thức chuyên sâu về kế toán.

**M2:** Có khả năng giao tiếp, ứng xử và phong cách hội nhập với nền kinh tế, xã hội trong thời kỳ hội nhập.

**M3:** Có năng lực thực hành thành thạo một số nghiệp vụ chủ yếu của kế toán để có thể làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là các kỹ năng kế toán doanh nghiệp, kỹ năng phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh, thẩm định dự án đầu tư.

**M4:** Có khả năng làm việc độc lập khi được phân công nhiệm vụ. Biết vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.

**M5:** Biết thu thập, tổng hợp và phân tích các dữ liệu để phục vụ việc khai thác, thực hành nghiệp vụ kế toán.

**M6:** Thành thạo về các ứng dụng tin học trong công tác kế toán và có tiếng Anh lưu loát nhằm đáp ứng nhu cầu chuyên môn và nghiên cứu trong thời kỳ hội nhập.

**M7:** Có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn.

### 2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. **Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 131 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự.chọn	Tổng
<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>43</b>	<b>2</b>	<b>45</b>
<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>78</b>	<b>8</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	20	0	20
- Kiến thức chuyên ngành	54	2	56
- Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
- Khóa luận tốt nghiệp/Các môn thay thế	0	6	6
<b>Tổng khối lượng</b>	<b>121</b>	<b>10</b>	<b>131</b>

#### 4. Đối tượng tuyển sinh:

Theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trên phạm vi cả nước.

#### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

##### 5.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

##### 5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Đạt trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường.

- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Giáo dục thể chất; Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.

#### 6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

##### 6.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
<b>A</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>11</b>			
1	0101000889	Triết học	3	3		BB
2	0101000641	Kinh tế chính trị	2	2		BB
3	0101000890	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		BB
4	0101000900	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		BB
5	0101000869	Lịch sử Đảng CSVN	2	2		BB
<b>B</b>	<b>Khoa học xã hội và nhân văn</b>		<b>2+2</b>			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
6	0101000891	Pháp luật đại cương	2	2		BB
7	0101000610	Giao tiếp kinh doanh	2	2		TC
8	0101000800	Tâm lý học ứng dụng kinh doanh(**)	2	2		TC
9	0101000669	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2		TC
10	0101000611	Hành vi khách hàng(**)	2	2		TC
<b>C</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>18</b>			
11	0101000861	Anh văn căn bản 1	3	3		BB
12	0101000862	Anh văn căn bản 2	3	3		BB
13	0101000863	Anh văn căn bản 3	3	3		BB
14		Anh văn căn bản 4	3	3		BB
15	0101000881	Anh văn trung cấp I	3	3		BB
16	0101000889	Anh văn trung cấp II	3	3		BB
<b>D</b>	<b>Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên</b>		<b>12</b>			
17	0101000899	Toán cao cấp	3	3		BB
18	0101000896	Tin học căn bản	3	3		BB
19	0101000883	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	3		BB
20	0101000645	Kinh tế lượng	3	3		BB
<b>E</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>3</b>			
21	0101000872	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1	ĐK
22	0101000873	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1	ĐK
23	0101000874	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1	ĐK
<b>F</b>	<b>Giáo dục quốc phòng</b>		<b>8</b>			
24	0101000871	Giáo dục quốc phòng (*)	8		8	ĐK

(\*) Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy

## 6.2. Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
<b>Phần kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>20</b>	20		
1	0101000650	Kinh tế vi mô	3	3		BB
2	0101000651	Kinh tế vĩ mô	3	3		BB
3	0101000780	Quản trị học	3	3		BB
4	0101000710	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	3		BB
5	0101000715	Marketing căn bản	3	3		BB
6	0101000692	Luật kinh tế	2	2		BB
7	0101000735	Nguyên lý kế toán	3	3		BB
<b>Phần kiến thức chuyên ngành</b>			<b>54+2</b>			
8	0101000629	Kế toán tài chính 1	3	3		BB
9	0101000630	Kế toán tài chính 2	3	3		BB

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
10	0101000631	Kế toán tài chính 3	3	3		BB
11	0101000617	Kế toán chi phí	3	3		BB
12	0101000626	Kế toán quản trị	3	3		BB
13	0101000634	Kế toán thuế	2	2		BB
14	0101000792	Quản trị tài chính	3	3		BB
15	0101000637	Kiểm toán 1	3	3		BB
16	0101000636	Kiểm toán 2	3	3		BB
17	0101000829	Thuế	2	2		BB
18	0101001037	Pháp luật kế toán	2	2		BB
19	0101000750	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		BB
20	0101000748	Phần mềm kế toán	2	2		BB
21	0101001038	Chuẩn mực kế toán	3	3		BB
22	0101000625	Kế toán ngân sách	2	2		BB
23	0101000728	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	2		BB
24	0101000624	Kế toán ngân hàng	2	2		TC
25		Kế toán đơn vị sự nghiệp(**)	2	2		TC
26	0101000811	Thanh toán quốc tế(**)	2	2		TC
27	0101000815	Thẩm định tín dụng(**)	2	2		TC
28	0101000857	Đạo đức kinh doanh	2	2		TC
29	0101000579	Tiếng Anh chuyên ngành	3	3		BB
30	0101000623	Kế toán Mỹ	2	2		BB
31	0101000756	PP nghiên cứu trong kinh tế	2	2		BB
32	0101000825	Thị trường tài chính	3	3		BB
33	0101000614	Hệ thống thông tin kế toán	3	3		BB
<b>Thực tập tốt nghiệp</b>			<b>4</b>			
34	0101000836	Thực tập tốt nghiệp	4		4	BB
<b>Khóa luận tốt nghiệp/Các môn thay thế</b>			<b>6</b>			
35	0101000663	Khóa luận tốt nghiệp	6		6	TC
36	0101000814	Thiết lập và thẩm định dự án	3	3		TC
37	0101000752	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3		TC

(\*\*) Các học phần tự chọn đề xuất giảm trong CTĐT

## 7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

### 7.1. Học kỳ 1

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Toán cao cấp	3	45	45		BB
2	Triết học	3	45	45		BB
3	Lý thuyết Xác suất và thống kê toán	3	45	45		BB

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
4	Tin học căn bản	3	60	30	30	BB
5	Anh văn căn bản 1	3	45	45		BB
6	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	165	75	90	ĐK
7	Giáo dục thể chất 1	1	30		30	ĐK
	<b>Tổng số tín chỉ tích lũy</b>	<b>24</b>	<b>435</b>	<b>285</b>	<b>150</b>	

### 7.2. Học kỳ 2

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Kinh tế vi mô	3	45	45		BB
2	Kinh tế chính trị	2	30	30		BB
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		BB
4	Pháp luật đại cương	2	30	30		BB
5	Anh văn căn bản 2	3	45	45		BB
6	Anh văn căn bản 3	3	45	45		BB
7	Giáo dục thể chất 2	1	30		30	ĐK
8	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30	30		TC
9	Giao tiếp trong kinh doanh	2	30	30		TC
	<b>Tổng số tín chỉ tích lũy</b>	<b>20</b>	<b>315</b>	<b>285</b>	<b>30</b>	

### 7.3. Học kỳ 3

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Giáo dục thể chất 3	1	30		30	ĐK
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		BB
3	Kinh tế vĩ mô	3	45	45		BB
4	Quản trị học	3	45	45		BB
5	Nguyên lý kế toán	3	45	45		BB
6	Lý thuyết Tài chính- Tiền tệ	3	45	45		BB
7	Anh văn căn bản 4	3	45	45		BB
	<b>Tổng số tín chỉ tích lũy</b>	<b>18</b>	<b>285</b>	<b>255</b>	<b>30</b>	

### 7.4. Học kỳ 4

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Kế toán tài chính 1	3	45	45		BB
2	Luật kinh tế	2	30	30		BB
3	Marketing căn bản	3	45	45		BB
4	Lịch sử Đảng CSVN	2	30	30		BB
5	Kinh tế lượng	3	45	45		BB

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
6	Pháp luật kế toán	2	30	30		BB
7	Anh văn trung cấp I	3	45	45		BB
	<b>Tổng số tín chỉ tích lũy</b>	<b>18</b>	<b>270</b>	<b>270</b>		

#### 7.5. Học kỳ 5

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Kế toán tài chính 2	3	45	45		BB
2	Kế toán quản trị	3	45	45		BB
3	Anh văn trung cấp II	3	45	45		BB
4	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	30	30		BB
5	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2	30	30		BB
6	Thuế	2	30	30		BB
7	Kế toán ngân hàng	2	30	30		TC
8	Đạo đức kinh doanh	2	30	30		TC
	<b>Tổng số tín chỉ tích lũy</b>	<b>19</b>	<b>285</b>	<b>285</b>		

#### 7.6. Học kỳ 6

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Kế toán tài chính 3	3	45	45		BB
2	Kế toán thuế	2	30	30		BB
3	Kiểm toán 1	3	45	45		BB
4	Phần mềm kế toán	2	30	30		BB
5	Kế toán chi phí	3	45	45		BB
6	Kế toán ngân sách	2	30	30		BB
7	Anh văn chuyên ngành	3	45	45		BB
	<b>Tổng số tín chỉ tích lũy</b>	<b>18</b>	<b>270</b>	<b>270</b>		

#### 7.7. Học kỳ 7

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Phân tích báo cáo tài chính	2	30	30		BB
2	Hệ thống thông tin kế toán	3	45	45		BB
3	Kế toán Mỹ	2	30	30		BB
4	Kiểm toán 2	3	45	45		BB
5	Thị trường tài chính	3	45	45		BB
6	Quản trị tài chính	3	45	45		BB
	<b>Tổng số tín chỉ tích lũy</b>	<b>16</b>	<b>240</b>	<b>240</b>		

## 7.8. Học kỳ 8

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Thực tập cuối khóa (Kế toán)	4	120		120	BB
2	Chuẩn mực kế toán	3	45	45		BB
3	Phân tích hoạt động kinh doanh	Chọn Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 học phần thay thế*	3	45	45	
4	Thiết lập và Thẩm định dự án đầu tư		3	45	45	
5	Khóa luận tốt nghiệp		6	180		180
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy</b>		<b>13</b>	<b>345</b>	<b>45</b>	<b>300</b>	

(\*) Nếu sinh viên không đủ điều kiện thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sẽ học các học phần thay thế.

## 8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 8.1. Đối với Khoa và Bộ môn:

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Nhà trường và lưu tại Văn phòng khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo theo đúng tiến độ.

- Phân công giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo được theo kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

### 8.2. Đối với giảng viên:

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên viết tiểu luận, đề án. Giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.



### 8.3. Đối với sinh viên:

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

### 8.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập:

- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector), tăng âm.

- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản, tin học ứng dụng thiết kế, mô phỏng các quá trình.

- Chương trình ngành kế toán được thiết kế đơn ngành.

ĐÀO TẠO



Hiệu trưởng

TS. Nguyễn Văn Quang

Phòng QLĐT

ThS. Lý Mẫn Tẹn

Khoa Kinh tế

TS. Nguyễn Văn Tạc